

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH

I. TIỀN ĐỀ RA ĐỜI, TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TÀI CHÍNH

Tài chính là một phạm trù kinh tế - lịch sử. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của nó gắn liền với sự phát triển của xã hội loài người. Từ toàn bộ lịch sử phát sinh, phát triển của tài chính chúng ta thấy: Tài chính chỉ ra đời và tồn tại trong những điều kiện lịch sử nhất định, khi mà ở đó có những hiện tượng kinh tế - xã hội khách quan nhất định xuất hiện và tồn tại. Có thể xem những hiện tượng kinh tế - xã hội khách quan đó như những tiền đề khách quan quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính.

1. Tiền đề sản xuất hàng hoá và tiền tệ

Đây là tiền đề mang tính chất khách quan, có ý nghĩa quyết định đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính. Bản thân nền sản xuất hàng hoá cũng có lịch sử phát sinh và phát triển của nó; từ sản xuất tự cung tự cấp chuyển sang sản xuất hàng hoá có quá trình chuyển biến lâu dài và đó thật sự là một sự thay đổi về chất trong hoạt động sản xuất của xã hội loài người. Nhu cầu trao đổi hàng hoá làm xuất hiện tiền tệ với tư cách là vật ngang giá chung trong quá trình trao đổi. Cùng với sự xuất hiện của tiền tệ, các hoạt động phân phối diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội chuyển sang hình thức phân phối bằng giá trị; đó là hình thức phân phối của tài chính.

Sự ra đời của nền sản xuất hàng hoá - tiền tệ làm xuất hiện các nguồn tài chính. Nguồn tài chính được hiểu là của cải xã hội, được biểu hiện dưới hình thức giá trị. Hoạt động phân phối của cải xã hội trước đây được thực hiện dưới hình thái hiện vật nay chuyển sang thực hiện dưới hình thái giá trị và đó là biểu hiện hoạt động phân phối của tài chính. Khái niệm về nguồn tài chính gắn liền với nền sản xuất hàng hoá- tiền tệ và sự xuất hiện của nó làm nảy sinh phạm trù tài chính.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau trong quá trình phát triển của xã hội loài người, nền sản xuất hàng hoá - tiền tệ không ngừng phát triển. Các mối quan hệ trong đời sống kinh tế - xã hội cũng ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp hơn; chính điều đó đã làm cho các quan hệ tài chính càng trở nên đa dạng, phong phú hơn, hoạt động tài chính có bước phát triển cao hơn. Cũng cần thấy rằng chính sự phát triển của tài chính đã góp phần tích cực vào sự thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển. Đây là những mối quan hệ biện chứng, không ngừng tác động lẫn nhau, làm tiền đề cho nhau trong suốt quá trình phát sinh và phát triển của tài chính.

2. Tiền đề Nhà nước

Khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã, chế độ chiếm hữu tư nhân về tư

liệu sản xuất ra đời thì trong xã hội đã có sự phân chia giai cấp và có sự đấu tranh giai cấp. Chính sự xuất hiện của sản xuất, trao đổi hàng hóa và tiền tệ là một trong những nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy mạnh mẽ sự phân chia giai cấp và đối kháng giai cấp. Trong điều kiện lịch sử đó, Nhà nước đã xuất hiện.

Khi Nhà nước xuất hiện, với tư cách là người có quyền lực chính trị, Nhà nước đã nắm lấy việc đúc tiền, in tiền, quy định mệnh giá của đồng tiền và lưu thông đồng tiền trong toàn bộ nền kinh tế, tác động đến sự vận động độc lập của đồng tiền và tạo môi trường pháp lý cho việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ.

Nhà nước cũng là người tham gia trực tiếp vào việc huy động, phân phối và sử dụng một bộ phận của cải xã hội để đảm bảo cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình bằng nhiều hình thức khác nhau theo nguyên tắc bắt buộc hay tự nguyện. Như vậy, Nhà nước đã trở thành một chủ thể quan trọng trong quá trình phân phối các nguồn tài chính trong xã hội.

Trải qua các hình thái kinh tế – xã hội khác nhau trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của kinh tế hàng hóa- tiền tệ, hình thức tiền tệ đã trở thành hình thức chủ yếu của thu nhập và chi tiêu của Nhà nước cũng như của mọi chủ thể khác trong việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ. Như vậy sự phát triển của kinh tế hàng hóa – tiền tệ đã tạo điều kiện khách quan cho sự mở rộng các quan hệ tài chính. Nói cách khác, phạm vi của các quan hệ tài chính phụ thuộc vào sự phát triển của các quan hệ hàng hóa – tiền tệ trong các mối quan hệ kinh tế của xã hội.

Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, thông qua chính sách và cơ chế quản lý kinh tế của mình, Nhà nước trong một đất nước nhất định có lúc thúc đẩy sự phát triển hoặc kìm hãm sự phát triển của sản xuất hàng hóa – tiền tệ dẫn đến thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của tài chính.

Như vậy, trong hai tiền đề thì sản xuất hàng hóa và tiền tệ là nhân tố mang tính chất khách quan, có ý nghĩa quyết định đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính còn Nhà nước là nhân tố có ý nghĩa định hướng tạo ra hành lang và điều tiết sự phát triển của tài chính.

II. BẢN CHẤT CỦA TÀI CHÍNH

Tài chính như mọi đối tượng nghiên cứu khác, có hình thức biểu hiện bên ngoài (hiện tượng) và nội dung bên trong (bản chất).

1. Biểu hiện bên ngoài của tài chính.

Biểu hiện bên ngoài của tài chính thể hiện ra dưới dạng các hiện tượng thu vào bằng tiền và các hiện tượng chi ra bằng tiền ở các chủ thể kinh tế - xã hội, chẳng hạn:

- + Doanh nghiệp, dân cư nộp thuế bằng tiền cho nhà nước.
- + Ngân hàng cho các doanh nghiệp vay vốn.

+ Các công ty bảo hiểm trả tiền cho dân cư bị họ bị mất sức lao động tạm thời hay vĩnh viễn hay khi họ bị tai nạn rủi ro.

+ Nhà nước cấp phát tiền từ ngân sách nhà nước tài trợ cho việc xây dựng đường giao thông, trường học, bệnh viện công...

*** Nhận xét**

- Từ các hiện tượng tài chính trên, có thể thấy hình thức biểu hiện bên ngoài của tài chính là sự vận động của vốn tiền tệ. Ở đây, tiền tệ đại diện cho một lượng giá trị, một thế năng về sức mua nhất định và được gọi là nguồn tài chính.

- Nguồn tài chính là khả năng tài chính mà các chủ thể trong xã hội có thể khai thác, sử dụng nhằm thực hiện các mục đích của mình. Sự vận động của các nguồn tài chính phản ánh sự vận động của những bộ phận của cải xã hội dưới hình thức giá trị (tiền tệ).

- Kết quả của quá trình phân phối các nguồn tài chính là sự hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ nhất định. Các quỹ tiền tệ là một lượng nhất định các nguồn tài chính được dùng cho một mục đích nhất định. Các quỹ tiền tệ có 3 đặc điểm sau:

+ *Đặc điểm 1:* Các quỹ tiền tệ luôn luôn biểu hiện các quan hệ sở hữu.

Kết thúc một giai đoạn vận động nào đó của quỹ thì mỗi chủ thể của hình thức sở hữu này hay hình thức sở hữu khác sẽ nhận được cho mình một phần nguồn lực tài chính như là kết quả tất yếu của quá trình phân phối của cải xã hội dưới hình thức giá trị.

Việc sử dụng các quỹ tiền tệ cũng phụ thuộc quyền sở hữu, cũng như tùy thuộc vào quy ước, nguyên tắc sử dụng quỹ, ý chí chủ quan của người sở hữu trong quá trình phân phối.

+ *Đặc điểm 2:* Các quỹ tiền tệ bao giờ cũng thể hiện tính mục đích của nguồn tài chính.

Phần lớn các quỹ tiền tệ đều có mục đích cuối cùng: tích lũy hoặc tiêu dùng. Chẳng hạn:

- Ngân sách nhà nước: phục vụ việc thực hiện chức năng của nhà nước.

- Vốn của doanh nghiệp: phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngân sách gia đình: phục vụ mục đích tiêu dùng của gia đình...

Ngoài ra, còn có cả những quỹ tiền tệ trung gian (như các quỹ kinh doanh của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính) được hình thành và sử dụng có thời hạn cho việc hình thành các quỹ tiền tệ có mục đích sử dụng cuối cùng khác.

+ *Đặc điểm 3:* Tất cả các quỹ tiền tệ đều vận động thường xuyên, tức là

chúng luôn luôn được tạo lập và sử dụng.

Quá trình vận động của các nguồn tài chính thông qua hoạt động phân phối của tài chính kéo theo sự dịch chuyển giá trị từ quỹ tiền tệ này sang quỹ tiền tệ khác, do đó luôn luôn có quỹ tiền tệ được tạo lập và quỹ tiền tệ được sử dụng.

Những phân tích kể trên cho thấy quan niệm tài chính được xác định trước hết là những hiện tượng, những biểu hiện bên ngoài của nó: các hiện tượng thu, chi bằng tiền, là sự vận động của các nguồn tài chính, sự tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ ở các chủ thể trong xã hội.

2. Nội dung kinh tế xã hội của tài chính.

Nguồn tài chính trong xã hội luôn luôn vận động một cách liên tục và trong mối quan hệ chằng chịt, đa dạng giữa các chủ thể trong xã hội dẫn tới việc làm thay đổi lợi ích kinh tế của các chủ thể đó, ví dụ:

- Các tổ chức, doanh nghiệp khi nhận được sự tài trợ nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước sẽ có điều kiện để duy trì và đẩy mạnh hoạt động của mình.
- Khi tập trung thêm được các nguồn tài chính từ các chủ thể khác trong xã hội vào ngân sách nhà nước, nhà nước có thêm điều kiện vật chất thực hiện các chức năng của mình.

Như vậy, các biểu hiện bên ngoài của tài chính là sự thể hiện và phản ánh các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể trong quá trình phân phối các nguồn tài chính, quá trình phân phối của cải xã hội dưới hình thức giá trị. Các quan hệ kinh tế như thế được gọi là các quan hệ tài chính. Các quan hệ tài chính biểu hiện mặt bản chất bên trong của tài chính ẩn dấu sau các biểu hiện bên ngoài của tài chính.

Như vậy có thể hiểu:

Tài chính thể hiện ra là sự vận động của vốn tiền tệ diễn ra ở mọi chủ thể trong xã hội. Nó phản ánh tổng hợp các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập hay sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các chủ thể trong xã hội.

***/ Chú ý:** Giữa tài chính và các phạm trù giá trị khác nhau như tiền tệ, giá cả, tiền lương có mối quan hệ với nhau rất gần gũi nhưng giữa chúng có sự khác nhau về bản chất.

- Tiền tệ về bản chất là một hàng hoá đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung trong quan hệ mua bán, trao đổi của nền sản xuất hàng hoá với chức năng thước đo giá trị, trung gian trao đổi, chức năng dự trữ giá trị và chức năng thanh toán. Còn tài chính là sự vận động của tiền tệ chỉ với hai chức năng thanh toán và phương tiện dự trữ giá trị và luôn gắn liền với việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ nhất định để thoả mãn các mục đích khác nhau.

- Giá cả là một phạm trù phân phối dưới hình thức giá trị nhưng khác rất rõ với phạm trù tài chính. Đặc trưng cơ bản của phân phối tài chính là luôn kéo theo sự dịch chuyển giá trị gắn với việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ của các chủ thể kinh tế - xã hội khác nhau. Còn ở phạm trù giá cả, việc dịch chuyển giá trị không xảy ra và giá cả xuất hiện trong quan hệ trao đổi, mua bán theo nguyên tắc ngang giá.

- Tiền lương là một phạm trù phân phối dưới hình thức giá trị. Tiền lương được trả cho người lao động với biểu hiện là một số tiền nhất định và cũng là một bộ phận của nguồn tài chính hình thành nên ngân sách gia đình, tài chính dân cư. Tài chính là phương tiện để thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động của tiền lương trong lĩnh vực bù đắp sức lao động.

III. CHỨC NĂNG CỦA TÀI CHÍNH

Bản chất của tài chính được thể hiện cụ thể thông qua việc thực hiện các chức năng của nó. Nghiên cứu chức năng tài chính có ý nghĩa to lớn trong việc sử dụng phạm trù này để phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội của con người có hiệu quả. Từ biểu hiện trong hoạt động thực tiễn cho thấy tài chính có hai chức năng là: Chức năng phân phối của cải xã hội dưới hình thức giá trị (gọi tắt là chức năng phân phối) và chức năng giám đốc bằng đồng tiền đối với các quá trình phân phối (gọi tắt là chức năng giám đốc).

1. Chức năng phân phối

Hoạt động của tài chính là hoạt động phân phối nên phân phối là chức năng vốn có của phạm trù tài chính, biểu hiện bản chất của tài chính trong đời sống kinh tế - xã hội. Đây là khả năng khách quan của việc sử dụng tài chính để phân phối của cải dưới hình thức giá trị. Nhờ chức năng phân phối của tài chính, các nguồn lực tài chính được đưa vào nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau, thoả mãn những lợi ích khác nhau trong đời sống kinh tế - xã hội.

- Đối tượng phân phối: là toàn bộ của cải xã hội dưới hình thức giá trị, là tổng thể các nguồn tài chính có trong xã hội

- Chủ thể phân phối của tài chính: Là những người có thể tham gia trực tiếp vào quá trình phân phối các nguồn lực tài chính trong xã hội. Có thể là Nhà nước (các tổ chức, cơ quan nhà nước), các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các hộ gia đình hay cá nhân dân cư. Chủ thể phân phối phải thoả mãn ít nhất một trong các tiêu chí sau:

+ *Có quyền sở hữu các nguồn tài chính*: chủ thể ở đây là người chủ đích thực của vốn tiền tệ. Họ có quyền phân phối và sử dụng chúng theo ý muốn chủ quan của mình

+ *Có quyền sử dụng nguồn tài chính*: chủ thể ở đây là những người không có quyền sở hữu vốn tiền tệ, nhưng họ được trao quyền sử dụng vốn tiền tệ. Nói

cách khác họ là những người đi vay và họ có quyền phân phối và sử dụng số vốn vay đó theo các mục đích đã định, trong một thời gian nhất định.

+ *Có quyền lực chính trị*: Đây là tiêu thức biểu hiện chủ thể phân phối là Nhà nước. Vì có quyền lực chính trị, Nhà nước có thể huy động, phân phối và sử dụng một bộ phận quan trọng các nguồn lực tài chính trong xã hội để đáp ứng yêu cầu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Nhà nước huy động các nguồn tài chính thông qua các quy định của pháp luật (thuế, phí, lệ phí...)

+ *Có sự ràng buộc của các quan hệ xã hội*: Chính sự ràng buộc của các quan hệ xã hội làm nảy sinh nhu cầu huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính của các chủ thể phân phối. Sự ràng buộc của các quan hệ xã hội là tiền đề cho sự vận động của các nguồn tài chính từ chủ thể này sang chủ thể khác trong quá trình phân phối của tài chính.

- Kết quả của phân phối tài chính: Là sự hình thành (tạo lập) hoặc sử dụng các quỹ tiền tệ ở các chủ thể trong xã hội nhằm những mục đích đã định.

Trong phân phối của cải xã hội, không những tài chính mà còn có những phạm trù kinh tế khác được sử dụng với tư cách một công cụ phân phối như: thương mại, giá cả, tiền lương... Mỗi công cụ đó được sử dụng theo các cách khác nhau và có những đặc điểm riêng.

- Phân phối tài chính mang những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, sự phân phối chỉ diễn ra dưới hình thức giá trị, không kèm theo sự thay đổi hình thái giá trị.

Thứ hai, sự phân phối luôn luôn gắn liền với sự hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ nhất định.

Phân phối của tài chính luôn làm chuyển dịch giá trị, biểu hiện bằng sự vận động của các nguồn tài chính từ quỹ tiền tệ này sang quỹ tiền tệ khác. Điều này liên quan đến việc hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ khác nhau; trong đó có thể nhiều quỹ tiền tệ được tạo lập gắn liền với việc sử dụng một quỹ tiền tệ (chẳng hạn doanh nghiệp thực hiện việc chi trả lương cho người lao động) hay ngược lại việc tạo lập một quỹ tiền tệ liên quan đến việc sử dụng nhiều quỹ tiền tệ khác nhau (chẳng hạn nhiều doanh nghiệp cùng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN)

Thứ ba, phân phối của tài chính là quá trình phân phối diễn ra một cách thường xuyên, liên tục bao gồm cả *phân phối lần đầu* và *phân phối lại*. Trong đó phân phối lại là có phạm vi rộng lớn và mang tính chất chủ yếu.

Phân phối lần đầu là sự phân phối được thực hiện trong lĩnh vực sản xuất cho những chủ thể tham gia vào quá trình sáng tạo ra của cải vật chất hoặc thực hiện các dịch vụ trong các đơn vị sản xuất và dịch vụ.

Trong phân phối lần đầu, giá trị sản phẩm xã hội (GDP hoặc GNP) trong lĩnh vực sản xuất được chia thành các bộ phận và được đưa vào các quỹ tiền tệ như sau:

- + Một phần để bù đắp những chi phí vật chất đã tiêu hao trong quá trình sản xuất hoặc tiến hành dịch vụ. Phần này hình thành quỹ khấu hao tài sản cố định và quỹ bù đắp vốn lưu động đã ứng ra của các đơn vị.

- + Một phần hình thành quỹ tiền lương của các đơn vị để trả lương cho người lao động.

- + Một phần góp vào hình thành các quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm kinh doanh, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế.

- + Một phần là thu nhập dành cho các chủ sở hữu về vốn hay nguồn tài nguyên góp phần phục vụ cho việc tiến hành sản xuất hay dịch vụ của đơn vị.

Qua phân phối lần đầu, giá trị sản phẩm xã hội mới chỉ được chia thành những phần thu nhập cơ bản, chưa thể đáp ứng nhu cầu của xã hội. Do đó phải trải qua quá trình phân phối lại.

Phân phối lại là tiếp tục phân phối những phần thu nhập cơ bản, những quỹ tiền tệ được hình thành trong phân phối lần đầu ra phạm vi toàn xã hội hoặc theo những mục đích cụ thể hơn của các quỹ tiền tệ.

Sự cần thiết khách quan của phân phối lại:

- Trong xã hội có những khu vực phi sản xuất vật chất (quân đội, giáo dục, y tế) cần thiết phải tồn tại và phát triển, phân phối lần đầu không đề cập tới đối tượng này.

- Tác động tích cực tới việc chuyên môn hoá và phân công lao động xã hội trong lĩnh vực sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển với tốc độ cao và bền vững.

- Góp phần thực hiện công bằng xã hội trong phân phối thông qua biện pháp điều tiết bớt người có thu nhập cao và nâng đỡ người có thu nhập thấp.

2. Chức năng giám đốc

Chức năng giám đốc của tài chính là chức năng mà nhờ vào đó việc kiểm tra bằng đồng tiền được thực hiện đối với quá trình vận động của các nguồn tài chính để tạo lập các quỹ tiền tệ hay sử dụng chúng theo các mục đích đã định.

Đối tượng của giám đốc tài chính là quá trình vận động của các nguồn tài chính, quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ.

Chủ thể của giám đốc tài chính cũng chính là các chủ thể phân phối. Bởi vì để cho các quá trình phân phối đạt tới tối đa tính mục đích, tính hợp lý, tính hiệu quả, bản thân các chủ thể phân phối phải tiến hành kiểm tra xem xét các quá trình phân phối đó.

Kết quả của giám đốc tài chính là phát hiện ra những mặt được và chưa được của quá trình phân phối, từ đó tìm ra các biện pháp điều chỉnh các quá trình phân phối theo các mục tiêu đã định nhằm đạt hiệu quả cao trong việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ.

Giám đốc tài chính có các đặc điểm sau đây:

- Giám đốc tài chính là giám đốc bằng đồng tiền với việc sử dụng chức năng phương tiện thanh toán và phương tiện cất giữ của tiền tệ để giám đốc các quá trình tạo lập và phân phối các nguồn tài chính.

- Giám đốc tài chính là loại giám đốc rất toàn diện thường xuyên, liên tục và rộng rãi.

- Công tác giám đốc – kiểm tra tài chính được tiến hành rộng rãi trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của tài chính, thông qua tất cả các khâu của hệ thống tài chính.

- Chức năng giám đốc có quan hệ rất mật thiết với chức năng phân phối của tài chính.

IV. HỆ THỐNG TÀI CHÍNH CỦA VIỆT NAM

1. Quan niệm hệ thống tài chính và khâu tài chính.

Hệ thống của con người về sử dụng phạm trù tài chính tồn tại khách quan được gọi là hoạt động tài chính. Trong đời sống thực tiễn, hoạt động tài chính luôn gắn liền với các hoạt động kinh tế- xã hội.

Trong các lĩnh vực kinh tế- xã hội khác nhau, khi các chủ thể ở đó tiến hành các hoạt động đã làm nảy sinh các quan hệ tài chính khác nhau.

Từ sự phân tích ở trên có thể cho rằng: *Hệ thống tài chính là tổng thể các hoạt động tài chính trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế quốc dân, nhưng có quan hệ hữu cơ với nhau về việc hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ ở các chủ thể kinh tế – xã hội hoạt động trong các lĩnh vực đó.*

Căn cứ để xác định các khâu tài chính của hệ thống tài chính:

Thứ nhất, một khâu tài chính phải là một điểm hội tụ của các nguồn tài chính

Thứ hai, việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ luôn gắn liền với một chủ thể phân phối cụ thể, xác định

Thứ ba, được xếp vào cùng một khâu tài chính nếu các hoạt động tài chính có cùng tính chất, đặc điểm, vai trò, có tính đồng nhất về hình thức các quan hệ tài chính và tính mục đích của các quỹ tiền tệ trong lĩnh vực hoạt động.

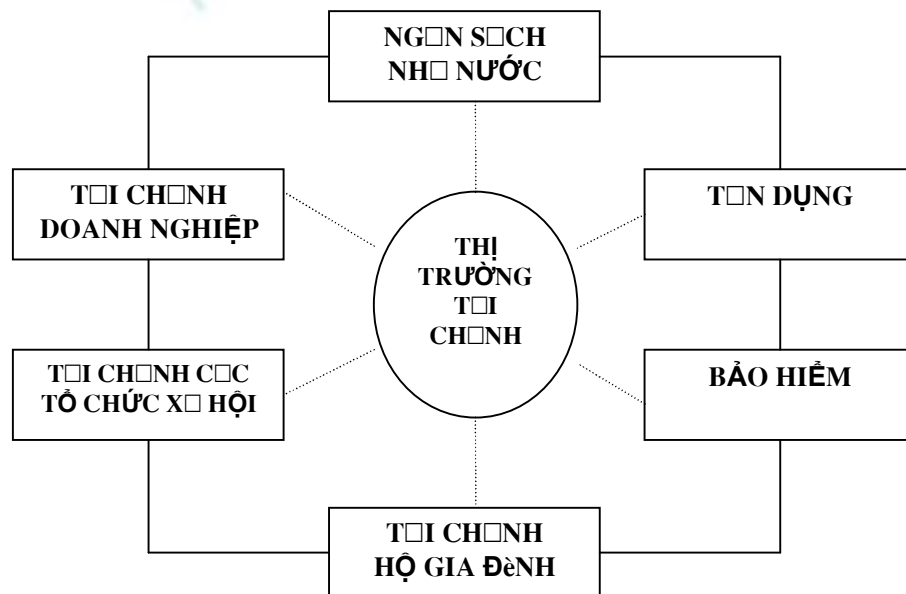
Từ đó có thể có khái niệm về khâu tài chính như sau: *Khâu tài chính là nơi hội tụ của các nguồn tài chính, nơi diễn ra việc tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ gắn liền với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chủ thể trong lĩnh vực hoạt động.*

Hệ thống tài chính của một Quốc gia là một thể thống nhất do nhiều mắt khâu tài chính hợp thành. Hệ thống tài chính của nước ta hiện nay bao gồm các khâu:

1. Ngân sách Nhà nước
2. Tài chính doanh nghiệp
3. Bảo hiểm
4. Tín dụng
5. Tài chính các tổ chức xã hội
6. Tài chính hộ gia đình(dân cư)

Các khâu tài chính này hoạt động độc lập trong các lĩnh vực khác nhau nhưng lại có mối liên hệ hữu cơ ràng buộc với nhau trong quá trình vận động của các nguồn tài chính. Trong điều kiện kinh tế thị trường, mối liên hệ giữa các khâu tài chính có thể là trực tiếp cũng có thể thông qua thị trường tài chính.

Hệ thống tài chính của nước ta được thể hiện theo sơ đồ sau:



Chú thích: —— quan hệ trực tiếp
 Quan hệ thông quan thị trường tài chính

2. Khái quát nhiệm vụ của các khâu tài chính

Trong hệ thống tài chính thống nhất, các khâu có mối liên hệ chặt chẽ với nhau nhưng mỗi khâu có những nhiệm vụ riêng.

2.1. Ngân sách Nhà nước.

Ngân sách Nhà nước là khâu chủ đạo trong hệ thống tài chính quốc gia.

Đây là một “tụ điểm” của các nguồn tài chính gắn với việc tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước- quỹ ngân sách Nhà nước với mục đích phục vụ cho sự hoạt động của bộ máy Nhà nước các cấp và thực hiện các chức năng của nhà nước trong quản lý kinh tế – xã hội.

Ngân sách nhà nước có các nhiệm vụ sau đây:

Một là, động viên, tập trung các nguồn tài chính cho việc tạo lập quỹ tiền tệ của Nhà nước – quỹ ngân sách trong đó thuế là nguồn thu chủ yếu.

Hai là, phân phối và sử dụng quỹ ngân sách cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội (như duy trì bộ máy nhà nước, củng cố quốc phòng, an ninh, phát triển văn hoá xã hội....)

Ba là, giám đốc, kiểm tra đối với các khâu tài chính khác và với mọi hoạt động kinh tế – xã hội gắn liền với quá trình thu, chi ngân sách. Ngân sách nhà nước có mối liên hệ rộng rãi với mọi lĩnh vực hoạt động khác nhau của xã hội, với các khâu trong hệ thống tài chính

Với vị trí và quy mô như thế, ngân sách nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của hệ thống tài chính quốc gia và sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

2.2. Tài chính doanh nghiệp

Tài chính doanh nghiệp gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá hay dịch vụ. Hoạt động tài chính doanh nghiệp luôn gắn liền với các chủ thể của nó là các doanh nghiệp (pháp nhân hoặc thể nhân)

Tài chính doanh nghiệp có các nhiệm vụ sau đây:

Một là, bảo đảm vốn và phân phối vốn hợp lý cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Hai là, tổ chức cho vốn chu chuyển một cách liên tục và có hiệu quả.

Ba là, phân phối thu nhập và lợi nhuận của doanh nghiệp theo đúng các quy định của Nhà nước.

Bốn là, kiểm tra quá trình vận động của các nguồn tài chính trong doanh nghiệp, đồng thời, kiểm tra mọi hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với các quá trình đó.

Tài chính doanh nghiệp có quan hệ với các khâu khác của hệ thống tài chính như: quan hệ với tài chính hộ gia đình thông qua trả lương, thưởng, lợi tức cổ phần, trái phiếu, quan hệ với ngân sách thông qua nộp thuế; quan hệ với các tổ chức tín dụng thông qua việc thu hút nguồn tài chính để tạo vốn hoặc trả nợ gốc và lãi... Quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp với các khâu tài chính khác có thể là trực tiếp với nhau, cũng có thể thông qua thị trường tài chính.

2.3. Bảo hiểm

Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính, có nhiều hình thức và nhiều quỹ tiền tệ khác nhau, nhưng tính chất chung và đặc biệt của các quỹ bảo hiểm là được tạo lập và sử dụng để bồi thường tổn thất nhiều dạng cho những chủ thể tham gia bảo hiểm tùy theo mục đích của quỹ

Có hai hình thức bảo hiểm là: Bảo hiểm kinh doanh và bảo hiểm y tế.

- Bảo hiểm kinh doanh bao gồm bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người và các nghiệp vụ bảo hiểm khác.

Quỹ bảo hiểm kinh doanh được hình thành từ sự đóng góp của những người (pháp nhân hay thể nhân) tham gia bảo hiểm và chủ yếu được sử dụng để bồi thường tổn thất cho họ khi họ gặp rủi ro bất ngờ, bị thiệt hại vật chất theo các điều khoản đã ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Các quỹ bảo hiểm kinh doanh được tạo lập và sử dụng có tính chất thương mại, vì mục đích kinh doanh lấy lợi nhuận.

- Bảo hiểm xã hội bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm xã hội được hình thành từ nguồn đóng góp của đơn vị sử dụng lao động và người lao động tính theo một tỷ lệ (%) nhất định trên tiền lương thực tế của người lao động trong các đơn vị đó và được sử dụng để trợ cấp (bồi thường) cho người lao động khi họ bị mất sức lao động tạm thời hay vĩnh viễn, trợ cấp về khám chữa bệnh.

Các quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành và sử dụng không vì mục đích kinh doanh lấy lãi mà mang tính chất xã hội.

2.4. Tín dụng

Tín dụng là một dịch vụ tài chính đặc biệt gắn liền với việc tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ thông qua việc thu hút các nguồn tài chính tạm thời nhằm rồi để cho vay, đáp ứng các nhu cầu về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế – xã hội theo nguyên tắc hoàn trả có thời hạn và có lợi tức. Tín dụng là một khâu trung gian quan trọng trong hệ thống tài chính

Tín dụng có nhiệm vụ sau:

Một là, tạo lập quỹ tín dụng thông qua động viên thu hút các nguồn tài chính tạm thời nhằm rồi trong xã hội theo nguyên tắc hoàn trả và có lợi tức.

Hai là, sử dụng các quỹ tín dụng đã tạo lập đáp ứng nhu cầu về vốn tạm thời cho các chủ thể trong xã hội theo nguyên tắc hoàn trả và có lợi tức.

2.5. Tài chính các tổ chức xã hội

Các tổ chức xã hội là khái niệm chung để chỉ các tổ chức chính trị – xã hội, các đoàn thể xã hội, các hội nghề nghiệp... Các tổ chức này còn được gọi là các tổ chức phi chính phủ.

Nhiệm vụ của tài chính các tổ chức xã hội:

Một là, tạo lập quỹ tiền tệ thông qua sự đóng góp hội phí, quyên góp, ủng hộ của các thành viên trong, ngoài nước và của các cá nhân, tổ chức xã hội khác.

Hai là, các quỹ tiền tệ của các tổ chức xã hội chủ yếu được sử dụng cho mục đích tiêu dùng trong hoạt động của các tổ chức đó. Khi các quỹ chưa được sử dụng, số dư ổn định của chúng có thể tham gia thị trường tài chính thông qua các quỹ tín dụng hoặc các hình thức khác (mua tín phiếu, trái phiếu...)

2.6. Tài chính hộ gia đình (dân cư)

Trong dân cư (các hộ gia đình) các quỹ tiền tệ được hình thành từ tiền lương, tiền công, thu nhập của các thành viên trong gia đình do lao động hay sản xuất kinh doanh; từ nguồn thừa kế tài sản; từ nguồn biếu tặng lẫn nhau trong quan hệ gia đình hay quan hệ xã hội ở trong và ngoài nước; từ các nguồn khác nhau như: lãi tiền gửi ngân hàng, lợi tức từ những khoản góp vốn, mua trái phiếu, cổ phiếu...

Quỹ tiền tệ của các hộ gia đình chủ yếu được sử dụng cho mục đích tiêu dùng của gia đình. Nguồn tài chính tạm thời nhàn rỗi của các hộ gia đình cũng có thể được sử dụng để đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong phạm vi kinh tế hộ gia đình hoặc tham gia vào thị trường tài chính qua việc góp cổ phần, mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu...

Như đã chỉ ra ở phần trên, trong điều kiện kinh tế thị trường, các khâu của hệ thống tài chính vừa có quan hệ trực tiếp với nhau, vừa có quan hệ với nhau thông qua thị trường tài chính.

Câu hỏi ôn tập chương I

1. Tài chính là gì? Trình bày các tiền đề quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính.
2. Phân tích bản chất, chức năng của tài chính? Trình bày mối quan hệ giữa các chức năng đó.
3. Phân biệt tài chính và các phạm trù giá trị khác như: tiền tệ, giá cả, thương mại, tiền lương
4. Hệ thống tài chính có những khâu nào? Các khâu của hệ thống tài chính quan hệ với nhau như thế nào? Cho ví dụ minh họa.
5. Vai trò của hệ thống tài chính trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam.

CHƯƠNG II

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm ngân sách nhà nước

NSNN đã có quá trình ra đời và phát triển từ thế kỷ XII đến nay. Thế nhưng hiện nay vẫn có nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm NSNN, phổ biến là:

Thứ nhất, NSNN là bản dự toán thu - chi tài chính của Nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm.

Thứ hai, NSNN là quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước, là kế hoạch tài chính cơ bản của Nhà nước.

Thứ ba, NSNN là những quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình huy động và sử dụng các nguồn tài chính khác nhau.

Ngoài ra, Điều 1 Luật NSNN đã được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 20/03/1996 có ghi:

NSNN là toàn bộ các khoản thu chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

Từ các quan điểm trên, ta có thể xác định: *NSNN phản ánh các quan hệ kinh tế phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính Quốc gia nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước trên cơ sở luật định.*

2. Đặc điểm của ngân sách nhà nước

NSNN là bộ phận chủ yếu của hệ thống tài chính quốc gia. NSNN bao gồm những quan hệ tài chính nhất định trong tổng thể các quan hệ tài chính của quốc gia.

NSNN có đặc điểm sau:

- Việc tạo lập và sử dụng quỹ NSNN luôn gắn với quyền lực của Nhà nước và việc thực hiện các chức năng của Nhà nước, được Nhà nước tiến hành trên cơ sở những luật lệ nhất định.

- NSNN luôn chứa đựng lợi ích chung, lợi ích công cộng, lợi ích toàn thể được đặt lên hàng đầu và chi phối các lợi ích khác.

- NSNN với tư cách là một quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước là nó được chia thành nhiều quỹ nhỏ, có tác dụng riêng và chỉ sau đó NSNN mới được chi dùng cho những mục đích nhất định đã được định trước.

- Hoạt động thu, chi NSNN được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn

trả trực tiếp là chủ yếu.

3. Vai trò của ngân sách nhà nước

NSNN có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động kinh tế – xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của đất nước. Có thể xem xét vai trò của NSNN trên một số lĩnh vực điều tiết sau đây:

3.1. NSNN là công cụ định hướng phát triển sản xuất (về kinh tế)

Thông qua các khoản chi kinh tế và chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, phát triển những ngành, lĩnh vực có tỷ suất lợi nhuận cao, ưu tiên các ngành mũi nhọn... Chính phủ có thể tạo điều kiện và hướng nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào những lĩnh vực, những vùng cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế mới.

Thông qua thu ngân sách mà chủ yếu là thuế cũng góp phần định hướng phát triển sản xuất. Việc đặt ra các loại thuế với thuế suất ưu đãi, các quy định miễn, giảm thuế... có tác dụng kích thích mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp. Một chính sách thuế có lợi sẽ thu hút được doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư vào nơi cần thiết, ngược lại, một chính sách thuế khắt khe sẽ giảm bớt luồng di chuyển vốn vào nơi cần hạn chế sản xuất kinh doanh.

3.2. NSNN là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và kiểm chế lạm phát. (về thị trường)

Trong nền kinh tế thị trường, quy luật cung cầu chi phối thị trường rất mạnh mẽ. Mọi sự biến động của giá cả đều do mất cân đối cung cầu. Vì vậy, Chính phủ cần có sự tác động tích cực đến thị trường nhằm đảm bảo lợi ích cho cả người sản xuất và người tiêu dùng, cũng như để giữ vững cơ cấu kinh tế đã được hoạch định

- Đối với thị trường hàng hoá, hoạt động điều tiết của Chính phủ được thực hiện thông qua việc sử dụng các quỹ dự trữ của Nhà nước (bằng tiền, bằng ngoại tệ, các loại hàng hoá, vật tư, chiến lược...) được hình thành từ nguồn thu của NSNN

- Đối với thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường sức lao động... hoạt động điều tiết của Chính phủ thông qua việc thực hiện một cách đồng bộ giữa các công cụ tài chính, tiền tệ, giá cả... trong đó công cụ ngân sách với các biện pháp như phát hành công trái, chi trả nợ, các biện pháp chi tiêu dùng của Chính phủ cho toàn xã hội, đào tạo...

Kiểm chế lạm phát luôn được coi là mục tiêu trọng yếu trong điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế – xã hội của quốc gia.

NSNN được sử dụng như một công cụ có hiệu lực để kiểm chế và đẩy lùi lạm phát. Khi xảy ra lạm phát, giá cả tăng lên do cung cầu mất cân đối (cung nhỏ hơn cầu), Chính phủ có thể sử dụng biện pháp thuế như tăng thuế tiêu

dùng, giảm thuế đối với đầu tư và thắt chặt chi tiêu của NSNN, nhất là các khoản thu cho tiêu dùng. Ngoài ra để kiềm chế lạm phát, Nhà nước có thể tăng cường các khoản vay trong dân, góp phần làm giảm lượng tiền mặt trong nền kinh tế, triệt để không phát hành tiền tệ để bù đắp thiếu hụt ngân sách

3.3. Ngân sách là công cụ có hiệu lực của Nhà nước để điều chỉnh trong lĩnh vực thu nhập, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội.

Chính sách ngân sách, cụ thể là chính sách thuế và chính sách chi ngân sách góp phần làm giảm bớt sự chênh lệch quá lớn về thu nhập và tiền lương của các tầng lớp dân cư trong phạm vi cả nước.

Thông qua thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm điều tiết những đối tượng có thu nhập cao để phân phối lại cho những đối tượng có thu nhập thấp, hạn chế sự phân hoá giàu nghèo và tiến tới đảm bảo công bằng xã hội về thu nhập.

Đối với các loại thuế gián thu (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT...) Nhà nước áp dụng mức thuế suất thấp nhất đối với các loại hàng hoá tiêu dùng thiết yếu và mức thuế suất cao đối với các loại hàng hoá xa xỉ, các loại dịch vụ cao cấp nhằm phân phối lại một bộ phận thu nhập của người giàu trong xã hội.

Để điều chỉnh thu nhập, bên cạnh công cụ thuế nói trên, Chính phủ còn rất quan tâm đến chính sách chi ngân sách. NSNN như một trung tâm phân phối lại, nhằm chuyển bớt một phần thu nhập từ các tầng lớp giàu có sang tầng lớp những người nghèo và Nhà nước cũng là người thay mặt xã hội thực hiện nghĩa vụ đối với các đối tượng gia đình liệt sỹ, thương binh, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa... Các khoản chi phí cho mục tiêu phúc lợi xã hội, trợ cấp người nghèo cần được bố trí với chiều hướng tăng lên.

Ngoài ba vai trò trên, NSNN còn có vai trò củng cố, tăng cường sức mạnh của bộ máy Nhà nước, bảo vệ đất nước và giữ gìn an ninh; vai trò kiểm tra các hoạt động tài chính khác trong việc làm nghĩa vụ nộp thuế, các khoản phải nộp, trong việc sử dụng các tài sản quốc gia và thực hiện các pháp luật, chính sách về ngân sách và các pháp luật, chính sách khác có liên quan.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Thu ngân sách nhà nước.

1.1. Khái niệm, đặc điểm của thu NSNN

* Khái niệm:

Thu NSNN là việc Nhà nước dùng quyền lực của mình để tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia hình thành quỹ NSNN nhằm thoả mãn các nhu cầu của Nhà nước

* Đặc điểm của thu NSNN

- Thu NSNN phản ánh các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình phân chia các nguồn tài chính quốc gia giữa Nhà nước với các chủ thể trong xã hội.

- Thu NSNN chứa đựng các quan hệ phân phối nảy sinh trong quá trình Nhà nước dùng quyền lực chính trị để tập trung một bộ phận tổng sản phẩm quốc dân để hình thành quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước.

- Thu NSNN gắn chặt với thực trạng kinh tế và sự vận động của các phạm trù giá trị như: giá cả, lãi suất, thu nhập...

1.2. Nội dung kinh tế của thu NSNN

Thu NSNN bao gồm:

- Thuế, lệ phí, phí do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật.
- Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước như:
 - + Thu nhập từ vốn góp của Nhà nước vào các cơ sở kinh tế.
 - + Tiền thu hồi vốn của Nhà nước tại các cơ sở kinh tế.
 - + Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (cả gốc và lãi)
- Thu từ các hoạt động sự nghiệp.
- Thu từ bán hoặc cho thuê tài nguyên, tài sản thuộc sở hữu Nhà nước.
- Thu từ vay nợ và viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, các nhân trong và ngoài nước.
- Thu khác: thu từ tiền phạt, tịch thu, tịch biên tài sản.

Căn cứ vào nội dung kinh tế và tính chất của các khoản thu NSNN có thể chia NSNN thành hai nhóm:

- Nhóm thu thường xuyên có tính chất bắt buộc gồm thuế, phí, lệ phí.
- Nhóm thu không thường xuyên bao gồm các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước, thu từ hoạt động sự nghiệp, thu tiền bán hoặc cho thuê tài sản thuộc sở hữu Nhà nước và các khoản thu khác đã nêu ở trên.

Phân loại theo yêu cầu động viên vốn vào NSNN có thể chia các khoản thu NSNN thành:

- Thu trong cân đối NSNN : bao gồm các khoản thu thường xuyên và không thường xuyên .
- Thu bù đắp thiếu hụt NSNN : khi số thu không đáp ứng được nhu cầu chi tiêu và Nhà nước phải đi vay, bao gồm vay trong và ngoài nước

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu NSNN

Một vấn đề hết sức quan trọng trong thu NSNN là xác định mức động viên

và lĩnh vực động viên một cách đúng đắn, hợp lý. Mức động viên và lĩnh vực động viên lại chịu tác động của nhiều nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu NSNN là:

- *Thu nhập GDP bình quân đầu người.*

Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người phản ánh mức độ tăng trưởng và phát triển của một quốc gia, khả năng tiết kiệm và đầu tư của một nước. Đây là nhân tố quyết định khách quan đến mức động viên của NSNN. Nếu bỏ qua chỉ tiêu này khi xác định mức động viên của NSNN sẽ có tác động tiêu cực đến vấn đề tiết kiệm, tiêu dùng và đầu tư của đông đảo các tầng lớp dân cư trong nền kinh tế.

- *Tỷ suất lợi nhuận trong kinh tế.*

Đây là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của chi đầu tư phát triển kinh tế. Nếu chỉ tiêu này càng lớn thì nguồn tài chính tạo ra càng lớn và ngược lại. Do đó có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định tỷ suất thu NSNN cũng như khả năng động viên vào NSNN.

- *Tiềm năng đất nước về tài nguyên thiên nhiên.*

Đối với các nước đang phát triển và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú thì nhân tố này có ảnh hưởng lớn đến số thu NSNN. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, nếu tỷ trọng xuất khẩu dầu mỏ và khoáng sản chiếm trên 20% kim ngạch xuất khẩu thì tỷ suất thu NSNN sẽ cao và có khả năng tăng nhanh. Ở nước ta trong tương lai, việc xuất khẩu dầu mỏ và khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu. Đó là nhân tố quan trọng ảnh hưởng to lớn đến việc nâng cao tỷ suất thu NSNN.

- *Mức độ trang trải các khoản chi phí của Nhà nước.*

Nhân tố này phụ thuộc vào:

- + Quy mô tổ chức của bộ máy nhà nước và hiệu quả hoạt động của nó.
- + Những nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà nhà nước đảm nhận trong từng thời kỳ.
- + Chính sách sử dụng kinh phí của Nhà nước.

Trong điều kiện các nguồn tài trợ khác cho chi phí Nhà nước không có khả năng tăng lên thì việc tăng mức độ chi phí của Nhà nước sẽ dẫn đến tăng tỷ suất thu NSNN.

- *Tổ chức bộ máy thu nộp.*

Việc tổ chức bộ máy thu nộp có ảnh hưởng trực tiếp đến thu NSNN. Nếu bộ máy thu nộp được tổ chức gọn nhẹ và có hiệu quả cao sẽ góp phần tích cực vào việc tăng thu NSNN và ngược lại.

1.4. Nguyên tắc thiết lập hệ thống thu NSNN.

Trong cơ cấu các nguồn thu của NSNN, thuế luôn luôn chiếm tỷ trọng lớn

nhất, đó là nguồn thu chủ yếu của NSNN. Nội dung cơ bản của việc xây dựng hệ thống thu NSNN trước hết và trực tiếp là xây dựng hệ thống thuế tiên tiến, tích cực; vừa đáp ứng yêu cầu động viên cho NSNN, vừa phát huy vai trò điều tiết các hoạt động kinh tế – xã hội theo định hướng chiến lược của Nhà nước. Do đó việc thiết lập hệ thống thuế phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

- *Nguyên tắc ổn định và lâu dài.*

Nguyên tắc này yêu cầu trong điều kiện kinh tế hoạt động bình thường phải ổn định mức thu, ổn định các sắc thuế, không được gây xáo trộn lớn trong hệ thống thuế.

Ổn định và lâu dài, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế hoạch hóa ngân sách, mặt khác tạo điều kiện để kích thích sản xuất yên tâm phát triển sản xuất.

- *Nguyên tắc đảm bảo sự công bằng.*

Nguyên tắc này đòi hỏi việc thiết lập hệ thống thuế phải có quan điểm công bằng đối với mọi đối tượng nộp, không phân biệt địa vị xã hội, thành phần kinh tế. Việc thiết lập hệ thống thuế chủ yếu dựa trên khả năng thu nhập của người chịu thuế.

Tôn trọng nguyên tắc công bằng có tác dụng phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư, hạn chế sự phân hóa ranh giới kẻ giàu, người nghèo trong xã hội.

- *Nguyên tắc rõ ràng, chắc chắn.*

Nguyên tắc này yêu cầu các chính sách thuế được quy định trong luật phải thể hiện đầy đủ các tiêu thức (đối tượng nộp, đối tượng tính, mức thu, thủ tục nộp..) một cách cụ thể, rành mạch.

Tôn trọng nguyên tắc rõ ràng, chắc chắn sẽ đảm bảo tính thống nhất của hệ thống thu ngân sách trong việc áp dụng chung cho các nước; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức thu NSNN và hạn chế những thất thoát, tiêu cực có thể xảy ra.

- *Nguyên tắc đơn giản*

Yêu cầu của nguyên tắc này là mỗi chính sách thuế cần hạn chế số lượng các mức thu, xác định rõ mục tiêu chính không nên đề ra quá nhiều mục tiêu trong một chính sách thu ngân sách.

Đảm bảo yêu cầu trên cho phép xác định chính sách thuế đơn giản, dễ áp dụng nhưng giảm thiểu được tính chủ quan trong công tác tổ chức quản lý thu ngân sách.

- *Nguyên tắc phù hợp với thông lệ quốc tế.*

Trong điều kiện hiện nay, với xu thế hội nhập và toàn cầu, việc thiết lập hệ thống thuế còn phải đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế về đối tượng thu, phương thức thu nộp... Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội.

1.5. Các giải pháp tăng thu ngân sách Nhà nước

Muốn tăng trưởng nền kinh tế phải có số vốn lớn và phải huy động tối đa các nguồn tài chính để dùng vào đầu tư phát triển kinh tế. Bồi dưỡng nguồn thu nói chung, nguồn thu NSNN nói riêng, có tầm quan trọng quyết định.

Những quan điểm định hướng:

- Phải chú trọng kết hợp tốt việc khai thác, huy động các nguồn tài chính vào NSNN với việc bồi dưỡng phát triển các nguồn tài chính.
- Phải coi nâng cao năng suất lao động xã hội, của từng doanh nghiệp và tiết kiệm là con đường cơ bản để tạo vốn, để tăng thu NSNN.

Trên cơ sở các quan điểm định hướng đó, cần có các giải pháp tích cực để bồi dưỡng nguồn thu NSNN.

Một là: Nhà nước, trong khi khai thác, cho thuê, nhượng bán tài sản, tài nguyên quốc gia tăng thu cho ngân sách, cần phải dành kinh phí thỏa đáng để nuôi dưỡng, tái tạo và phát triển các tài sản, tài nguyên ấy, không làm cạn kiệt và phá hủy tài sản, tài nguyên vì mục đích trước mắt.

Hai là: Chính sách thuế vừa phải huy động được cho Nhà nước, vừa khuyến khích tích tụ vốn của doanh nghiệp và dân cư. Vì vậy, cần phải ổn định mức huy động bằng thuế của Nhà nước và phải sửa đổi, bổ sung chính sách thuế cho phù hợp với thu nhập của các doanh nghiệp và của dân cư.

Ba là: Chính sách vay dân để bù đắp thiếu hụt NSNN cần được đặt trên cơ sở thu nhập và mức sống của dân. Tiết kiệm trong dân cư phải có mức độ nhất định. Nếu Nhà nước vay quá lớn, dân sẽ không cải thiện được mức sống, không còn khả năng tự đầu tư để phát triển, giải quyết các vấn đề mà Nhà nước chưa giải quyết được như: thu nhập, việc làm, đồng thời tạo ra nguồn tài chính mới.

Bốn là: Nhà nước dùng vốn NSNN đầu tư trực tiếp vào một số doanh nghiệp quan trọng trên những ngành, lĩnh vực then chốt để thực hiện định hướng phát triển kinh tế – xã hội và tạo ra nguồn tài chính mới. Đồng thời, Nhà nước phải chú trọng đầu tư vào con người, đào tạo nghề, nâng cao dân trí, phát triển khoa học, chăm lo sức khỏe để có một đội ngũ lao động có tay nghề cao và năng suất lao động cao.

Năm là: Cần phải ban hành chính sách tiết kiệm, khuyến khích mọi người tiết kiệm tiêu dùng, dành vốn cho đầu tư phát triển. Nhà nước phải giảm chi tiêu cho tiêu dùng, tinh giản bộ máy Nhà nước, cải cách bộ máy hành chính để tích lũy vốn chi đầu tư.

2. Chi ngân sách nhà nước.

2.1. Khái niệm, đặc điểm của chi ngân sách nhà nước.

2.1.1 Khái niệm:

Chi NSNN là việc phân phối và sử dụng quỹ NSNN nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng của Nhà nước theo những nguyên tắc nhất định. Chi NSNN là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã được tập trung vào NSNN và đưa chúng đến mục đích sử dụng.

Trong thực tế, chi NSNN là sự kết hợp giữa hai quá trình phân phối và sử dụng quỹ NSNN.

- Quá trình phân phối là quá trình cấp phát kinh phí từ NSNN để hình thành các loại quỹ trước khi đưa vào sử dụng.

- Quá trình sử dụng là quá trình trực tiếp chi dùng khoản tiền được cấp phát từ NSNN ở các đơn vị sử dụng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình như chi lương, chi nghiệp vụ phí, công tác phí... của các đơn vị hành chính sự nghiệp.

2.1.2. Đặc điểm của chi NSNN

Chi NSNN có những đặc điểm cơ bản sau:

- Chi NSNN gắn với bộ máy nhà nước và những nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội mà nhà nước đảm đương trong từng thời kỳ.

Trong từng thời kỳ nhất định, khi bộ máy nhà nước được mở rộng và đảm đương nhiều nhiệm vụ hơn thì mức độ và phạm vi chi NSNN ngày càng lớn hơn.

- Cơ cấu, nội dung và mức độ các khoản chi NSNN do cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội quyết định. Do đó, chi NSNN mang tính pháp lý cao, làm cho NSNN trở thành công cụ có hiệu lực trong quá trình điều hành và quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước.

- Tính hiệu quả của các khoản chi NSNN được xem xét trên tầm vĩ mô, thông qua việc phân tích toàn diện các mục tiêu kinh tế - xã hội của các khoản chi ngân sách.

- Chi NSNN mang tính chất không hoàn lại trực tiếp; đó là hình thức cấp phát trực tiếp của Nhà nước vào các lĩnh vực của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, xuất phát từ yêu cầu thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.

- Các khoản chi NSNN được gắn chặt với sự vận động của phạm trù giá trị

khác như tiền lương, giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Mỗi quan hệ giữa chi NSNN với các chính sách tiền tệ, chính sách tài chính có ý nghĩa cực kỳ to lớn